

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Ông **Đinh Công Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Bé N, sinh năm 1986; HKTT: ấp A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Ở hiện nay: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Bé N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh H có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/8/2011. Vợ chồng chị đã ly thân từ

khoảng tháng 4/2019 đến nay do mâu thuẫn, sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung là Phan Nguyễn Bình A, sinh ngày 03/01/2009 hiện đang sống chung với chị và Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 20/12/2013 hiện đang sống chung với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu An, yêu cầu giao cháu N cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2022 chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Phan Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị N được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Bình A, sinh ngày 03/01/2009 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 20/12/2013 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, anh H đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N và anh H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị N và anh H đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị N và anh H không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H vẫn không đến, như vậy anh H đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị N thì chị N và anh H có hai người con chung là Phan Nguyễn Bình A, sinh ngày 03/01/2009, hiện đang sống với chị N và Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 20/12/2013, hiện đang sống với anh H. Anh H đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi cháu An của chị N và yêu cầu giao cháu N cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Xét thấy, cháu A sống cùng với chị N từ khi ly thân đến nay, hiện cháu A phát triển tốt, chị N có đủ điều kiện nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 04/3/2022 cháu A cũng có nguyện vọng sống cùng với chị N. Đối với cháu N hiện đang sống với anh H, để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định hiện tại của cháu N thì cần tiếp tục giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu An và cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao cháu Phan Nguyễn Bình A, sinh ngày 03/01/2009 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 20/12/2013 cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2022 chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Bé N ly hôn anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Bình A, sinh ngày 03/01/2009 cho chị Nguyễn Bé N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 20/12/2013 cho anh Phan Văn H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Bé N và anh Phan Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Nguyễn Bé N yêu cầu anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004983 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Phan Văn H không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly